

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **29** /2013/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày **12** tháng **12** năm 2013

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: **1626**
Ngày: **17/12/2013**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định tuyển dụng và chuyển ngạch,
nâng ngạch công chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 181/TTr-SNV ngày 20/6/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển dụng và chuyển ngạch, nâng ngạch công chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức, triển khai thực hiện nội dung quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ quy định về tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch và nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề đối với công chức ban hành kèm theo Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (Để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (Phát hành);
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra);
- Trung tâm Công báo - Tin học (Đăng Công báo);
- PP Tân Phát; Tân Linh;
- Lưu: VT, (QĐ-047).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Bê

QUY ĐỊNH

**Về việc tuyển dụng, chuyển ngạch,
nâng ngạch công chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2013/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định thực hiện việc tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch công chức nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công chức quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức, công tác trong cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện, công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương II

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

Điều 3. Tuyển dụng công chức

1. Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được giao.

2. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng công chức của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tuyển dụng theo quy định.

Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

a) Không cư trú tại Việt Nam;

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

3. Người dự tuyển vào một ngạch công chức phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của ngạch đó.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức bao gồm:

1. Đơn đăng ký dự tuyển công chức theo mẫu tại phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quy định này;

2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

3. Bản sao giấy khai sinh;

4. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển;

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

6. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Điều 6. Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức

1. Cơ quan được phân cấp thẩm quyền tuyển dụng công chức

Cơ quan thẩm quyền tuyển dụng công chức là Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được giao của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tuyển dụng công chức theo quy định.

2. Kế hoạch tuyển dụng công chức bao gồm các nội dung sau:

a) Số lượng biên chế công chức của cơ quan được cấp có thẩm quyền giao;

b) Số lượng, vị trí việc làm cần tuyển theo từng ngạch công chức trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được giao;

c) Điều kiện đăng ký dự tuyển, hình thức và nội dung tuyển dụng;

d) Các nội dung khác (nếu có) theo yêu cầu tiêu chuẩn nghiệp vụ, vị trí công tác của cơ quan tuyển dụng.

Điều 7. Tổ chức thi tuyển và tiếp nhận không qua thi tuyển đối với công chức

1. Việc tuyển dụng công chức vào vị trí việc làm tương ứng với từng loại công chức được thực hiện như sau:

a) Công chức loại D (ngạch nhân viên, cán sự hoặc tương đương); công chức loại C (ngạch chuyên viên hoặc tương đương) thực hiện tuyển dụng theo phương thức thi tuyển.

b) Công chức loại B (ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương) và công chức loại A (ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương) thực hiện tuyển dụng theo quy trình tiếp nhận không qua thi tuyển.

2. Tổ chức thi tuyển và tiếp nhận không qua thi tuyển

a) Thành lập Hội đồng thi tuyển công chức (gọi chung là Hội đồng tuyển dụng)

- Khi tổ chức tuyển dụng công chức, nếu số lượng người đăng ký dự tuyển trong cùng một kỳ tuyển dụng từ đủ 30 người trở lên, thì người đứng đầu cơ quan được giao thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định thành lập.

Hội đồng tuyển dụng công chức có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

+ Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức làm công tác tổ chức cán bộ thuộc Sở Nội vụ;

+ Các Ủy viên khác là đại diện một số công chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

Hội đồng thi tuyển công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ và Quy chế thi tuyển công chức ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ.

b) Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức

- Khi tổ chức tuyển dụng công chức, nếu số người đăng ký dự tuyển trong cùng một kỳ tuyển dụng ít hơn 30 người thì không thành lập Hội đồng tuyển dụng.

- Trong trường hợp không thành lập Hội đồng thi tuyển công chức, thì cơ quan được giao thẩm quyền tuyển dụng công chức vẫn phải thực hiện quy trình

tổ chức kỳ thi theo quy định tại Quy chế thi tuyển ban hành kèm Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ. Trong đó, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thi do người đứng đầu cơ quan được giao thẩm quyền tuyển dụng công chức thực hiện.

Điều 8. Thông báo tuyển dụng công chức

1. Cơ quan được giao thẩm quyền tuyển dụng công chức (*Sở Nội vụ*) phải thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan trong thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ.

2. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm:

- a) Điều kiện đăng ký dự tuyển;
- b) Số lượng, vị trí việc làm cần tuyển dụng theo từng ngạch công chức;
- c) Nội dung hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời hạn nhận hồ sơ, số điện thoại liên hệ;
- d) Hình thức và nội dung thi tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển; lệ phí thi tuyển.

Điều 9. Nội dung thi, thời gian và các môn thi trong kỳ thi tuyển công chức

Nội dung thi, thời gian và các môn thi trong kỳ thi tuyển công chức thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ.

Điều 10. Quyết định tuyển dụng và nhận việc

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển của Ủy ban nhân dân tỉnh, giao Sở Nội vụ gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ra quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển.

Điều 11. Tiếp nhận không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức

1. Điều kiện, tiêu chuẩn để xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển thực hiện theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1, Điều 10 của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ.

2. Quy trình xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển

- a) Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch

Đối với những trường hợp người tốt nghiệp thủ khoa ở trình độ đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước và người tốt nghiệp đại học, sau đại học loại giỏi,

xuất sắc ở nước ngoài, phù hợp với nhu cầu và vị trí việc làm (Việc xác định tốt nghiệp đại học, sau đại học loại giỏi, loại xuất sắc ở nước ngoài được căn cứ vào xếp loại tại bằng tốt nghiệp; trường hợp bằng tốt nghiệp không xếp loại thì cơ quan quản lý công chức báo cáo cụ thể kết quả học tập toàn khóa và kết quả bảo vệ tốt nghiệp để Bộ Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Trung ương xem xét, quyết định theo thẩm quyền quản lý công chức)

Theo nhu cầu cần tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị dự kiến bố trí sau khi tuyển dụng, thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức;

- Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách tổ chức cán bộ của cơ quan sử dụng công chức;

- Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là người giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan sử dụng công chức;

- Các Ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng kiểm tra, sát hạch

- Kiểm tra các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Sát hạch thông qua phỏng vấn về trình độ hiểu biết chung, về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được tiếp nhận không qua thi tuyển.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

c) Thành lập Hội đồng thẩm định xét tuyển dụng không qua thi tuyển

Theo đề nghị của thủ trưởng các cơ quan sử dụng công chức về xét tiếp nhận không qua thi tuyển. Sở Nội vụ tổng hợp và thành lập Hội đồng kiểm tra, thẩm định để đánh giá về các điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển của người được đề nghị tiếp nhận.

Hội đồng kiểm tra, thẩm định có 05 hoặc 07 thành viên do Sở Nội vụ quyết định thành lập gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

- Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Cán bộ, công chức, viên chức, Sở Nội vụ;

- Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là bộ phận tham mưu công tác cán bộ, công chức thuộc Sở Nội vụ;

- Các Ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

d) Các trường hợp không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch khi xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển:

Các trường hợp sau đây, có trình độ đào tạo từ đại học trở lên, có thời gian công tác liên tục (không kể thời gian tập sự, thử việc) từ đủ 60 tháng trở lên và trong thời gian công tác 05 năm gần nhất không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Những người đã là cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên thuộc ngành, lĩnh vực cần tuyển, sau đó chuyển sang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước;

- Viên chức đã được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch trước ngày 01 tháng 7 năm 2003.

- Những người đang giữ chức danh lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp nhà nước;

- Những người là sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu.

đ) Khi có nhu cầu tuyển dụng không qua thi tuyển đối với những trường hợp nêu tại Điểm d Điều này, thủ trưởng cơ quan có văn bản và kèm hồ sơ theo quy định gửi về Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tiếp nhận không qua thi tuyển và báo cáo về Bộ Nội vụ để theo dõi.

e) Đối với trường hợp là viên chức đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập nếu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển phải đảm bảo điều kiện như: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; hiện đang công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển; có thời hạn từ đủ 60 tháng trở lên làm công việc yêu cầu trình độ đào tạo đại học, sau đại học trong ngành, lĩnh vực cần tuyển (không kể thời gian tập sự, thử việc và nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn); trong thời gian công tác 05 năm gần nhất không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đáp ứng được ngay yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển và cơ quan còn chỉ tiêu biên chế. Sở Nội vụ quyết định tuyển dụng vào công chức theo quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ để theo dõi.

3. Hồ sơ đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển gồm:

a) Công văn đề nghị của thủ trưởng cơ quan sử dụng công chức (trong đó mô tả vị trí việc làm cần tuyển, chỉ tiêu biên chế được giao, biên chế chưa sử dụng và dự kiến xếp ngạch, bậc lương), biên bản họp Hội đồng kiểm tra sát hạch (trường hợp có thành lập Hội đồng). Trường hợp không phải qua kiểm tra, sát hạch phải có văn bản đề nghị tiếp nhận, bố trí công tác.

b) Hồ sơ của người được tiếp nhận không qua thi tuyển:

- Bản sơ yếu lý lịch (*Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quy định này*) có xác nhận của cơ quan thẩm quyền;
- Bản sao giấy khai sinh;
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập (*có chứng thực*) theo yêu cầu vị trí dự tuyển;
- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp;
- Bản tự nhận xét đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận (*có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nếu trường hợp đã công tác*).

Điều 12. Xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác, có đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng

1. Đối với trường hợp đang được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do Nhà nước quy định.

a) Trường hợp bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống:

Sở Nội vụ quyết định xếp ngạch, bậc lương theo phân cấp và đúng theo quy định hiện hành về chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và Công ty Nhà nước vào làm việc trong các cơ quan Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

b) Trường hợp bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương:

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ (*Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ trình Bộ Nội vụ theo quy định*).

c) Trường hợp bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương:

Sở Nội vụ dự kiến phương án xếp ngạch, bậc lương cụ thể từng trường hợp, lập hồ sơ theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ quyết định.

2. Đối với trường hợp chưa xếp lương vào ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do Nhà nước quy định:

Sở Nội vụ dự kiến phương án xếp ngạch, bậc lương cụ thể từng trường hợp, lập hồ sơ theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Bộ Nội vụ thống nhất ý kiến, sau đó Sở Nội vụ ra quyết định xếp ngạch, bậc lương theo phân cấp quản lý.

Điều 13. Chế độ tập sự

1. Người được tuyển dụng vào công chức phải thực hiện chế độ tập sự thời gian tập sự được quy định như sau:

- a) 12 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào công chức loại C;
- b) 06 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào công chức loại D;
- c) Không tính vào thời gian tập sự trong các trường hợp sau:
 - Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội và thời gian nghỉ ốm đau;
 - Thời gian bị tạm giam, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện chế độ tập sự đối với những trường hợp có đủ các điều kiện sau:

- a) Đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự theo quy định.
- b) Trong thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội đã được phân công làm những công việc theo yêu cầu của ngạch công chức được tuyển dụng.

Điều 14. Bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự

Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản, người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự, nếu đạt yêu cầu thì lập thủ tục theo quy định đề nghị Sở Nội vụ ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức, nếu người tập sự không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự thì ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyển dụng theo quy định phân cấp quản lý.

Điều 15. Xét chuyển cán bộ, công chức xã thành công chức huyện trở lên

1. Cán bộ, công chức xã theo quy định tại Khoản 2, Điều 61 Luật Cán bộ, công chức khi thôi giữ chức vụ theo nhiệm kỳ và công chức xã theo quy định tại Khoản 3 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức được xem xét chuyển thành công chức từ cấp huyện trở lên, nếu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- a) Cơ quan sử dụng công chức có nhu cầu tuyển dụng theo cơ cấu ngạch công chức và phù hợp với vị trí việc làm;
- b) Có đủ các tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch công chức theo quy định tương ứng với vị trí việc làm;
- c) Có thời gian làm cán bộ, công chức cấp xã từ đủ 60 tháng trở lên. Trường hợp có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội bắt buộc một lần thì được cộng dồn;

d) Có phẩm chất chính trị, đạo đức, hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao;

đ) Không trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc đang bị thi hành quyết định kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hoặc chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích, đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

2. Khi xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phải thành lập hội đồng kiểm tra, sát hạch để đánh giá về các điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người đề nghị xét chuyển.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Một Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu bộ phận tham mưu về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức (*cấp huyện Trưởng phòng Nội vụ, cấp tỉnh Trưởng phòng Tổ chức cán bộ hoặc Chánh Văn phòng*);

- Một Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức dự kiến bố trí công chức sau khi xét chuyển;

- Các Ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký hội đồng.

3. Thẩm quyền xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, sát hạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản (*kèm theo biên bản họp Hội đồng kiểm tra, sát hạch*) trình Sở Nội vụ quyết định.

4. Cán bộ, công chức cấp xã được xem xét chuyển thành công chức từ cấp huyện trở lên được bổ nhiệm vào ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm, việc xếp lương vào ngạch được bổ nhiệm và bảo lưu lương, phụ cấp chức vụ (nếu có) thực hiện theo quy định tại Điểm a, b, Mục 4, Điều 13 Thông tư số 13/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Chương III

CHUYỂN NGẠCH, NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC

Điều 16. Chuyển ngạch công chức

1. Việc chuyển ngạch được thực hiện khi công chức thay đổi vị trí việc làm hoặc phải chuyển đổi vị trí công tác mà ngạch công chức đang giữ không

phù hợp với yêu cầu ngạch công chức của vị trí việc làm mới, công chức chuyển ngạch phải đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của ngạch được chuyển.

2. Người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức căn cứ nhu cầu chuyển ngạch, lập thủ tục theo quy định gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định (*qua Phòng Nội vụ*); Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, đồng thời có công văn kèm theo danh sách theo mẫu và hồ sơ chuyển ngạch theo quy định trình Sở Nội vụ để xem xét ra quyết định chuyển ngạch công chức.

Khi chuyển ngạch không được kết hợp nâng ngạch, nâng bậc lương.

Điều 17. Nâng ngạch công chức

1. Việc nâng ngạch công chức phải căn cứ vào vị trí việc làm phù hợp với cơ cấu công chức của cơ quan sử dụng công chức và thông qua kỳ thi nâng ngạch theo quy định.

2. Căn cứ nhu cầu, vị trí công tác, hàng năm trước ngày 31 tháng 3, các cơ quan sử dụng công chức báo cáo bằng văn bản số lượng, cơ cấu ngạch công chức và đề nghị chỉ tiêu nâng ngạch của từng ngạch gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tin xin ý kiến Bộ Nội vụ trước khi tổ chức thi nâng ngạch theo phân cấp quản lý.

3. Xây dựng kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức

a) Đối với thi nâng ngạch lên ngạch cán sự, chuyên viên hoặc tương đương

Căn cứ ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ về số lượng, chỉ tiêu nâng ngạch, Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch thi nâng ngạch theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và gửi Bộ Nội vụ phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

b) Đối với kỳ thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương

Căn cứ số lượng, chỉ tiêu nâng ngạch của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ đăng ký dự thi và lập thủ tục theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và gửi Bộ Nội vụ.

4. Hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch công chức thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 16 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ.

Điều 18. Tổ chức thi nâng ngạch công chức

1. Đối với kỳ thi nâng ngạch cán sự, chuyên viên hoặc tương đương

Căn cứ kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức được Bộ Nội vụ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch và tổ chức kỳ thi theo quy định, đồng thời báo cáo kết quả về Bộ Nội vụ để theo dõi.

Hội đồng thi nâng ngạch công chức có 05 hoặc 07 thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các Ủy viên Hội đồng, trong đó có 01 Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng.

2. Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức được thực hiện theo nội dung và quy chế thi nâng ngạch công chức ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ.

Điều 19. Bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch

1. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên ngạch cán sự, chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương

a) Sở Nội vụ ra quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch lên ngạch cán sự, chuyên viên hoặc tương đương.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.

2. Việc xếp lương đối với công chức được bổ nhiệm vào ngạch mới, thực hiện theo quy định hiện hành khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Điều 20. Nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nghề

1. Đối với công chức có ngạch lương từ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống do Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định sau khi có ý kiến hiệp ý của Sở Nội vụ (*Riêng các chức danh lãnh đạo thuộc Tỉnh ủy quản lý, do Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định*).

2. Đối với công chức có ngạch lương từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên do Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương IV
QUẢN LÝ CÔNG CHỨC

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước, cán bộ, công chức xã.

2. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Tiếp nhận không qua thi tuyển đối với những trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức;

b) Phê duyệt kế hoạch và tổ chức thi tuyển công chức; công nhận kết quả thi tuyển công chức;

c) Phê duyệt kế hoạch và tổ chức thi nâng ngạch cán sự, chuyên viên hoặc tương đương. Quyết định cử cán bộ, công chức thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương;

d) Quyết định chuyển ngạch; bổ nhiệm ngạch và xếp lương chuyên viên chính hoặc tương đương. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nghề đối với công chức lãnh đạo thuộc Tỉnh ủy quản lý và công chức có ngạch lương chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên;

đ) Quyết định bổ nhiệm ngạch tương đương ngạch chuyên viên theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định theo phân cấp quản lý

a) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự; công chức đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại Khoản 2, Điều 20 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP theo đề nghị của cơ quan sử dụng công chức.

b) Quyết định xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng (*công chức ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống*).

c) Quyết định xét chuyển cán bộ, công chức từ cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên.

d) Quyết định chuyển ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống theo đề nghị của cơ quan sử dụng công chức.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan sử dụng công chức (*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh*)

1. Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với công chức.

2. Quyết định tuyển dụng công chức đối với người trúng tuyển sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước, quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề theo quy định của pháp luật đối với công chức ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống (*trừ các chức danh lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý*) sau khi có ý kiến hiệp ý của Sở Nội vụ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về những việc được giao quyền tuyển dụng, chuyển ngạch và nâng ngạch công chức.

Điều 24. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời, theo dõi, kiểm tra báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện quy định này.

Điều 25. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn hoặc vướng mắc, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Bê